TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N** ---------- Số: 25/2023/ QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *V, ngày 24 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 5 Phường Hoàng D, thành phố T, tỉnh T

- Bị đơn: **Anh Phạm Việt D**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Tân Long M, xã G, huyện V, tỉnh N

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. **Công nhận thuận tình ly hôn giữa:**

- Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 5 Phường Hoàng D, thành phố T, tỉnh T

- Bị đơn: **Anh Phạm Việt D**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Tân Long M, xã G, huyện V, tỉnh N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể nh- sau:

2.1 Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Việt D cùng xác nhận vợ chồng có ba con chung: Cháu lớn là Phạm Xuân H, sinh ngày 04/02/2010; cháu thứ hai là Phạm Thành Đ, sinh ngày 06/4/2014; cháu thứ ba là Phạm Ánh D, sinh ngày 24/7/2020. Hiện nay cả ba cháu đang ở với chị T. Chị T anh D thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao cả ba cháu Phạm Xuân H; Phạm Thành Đ và Phạm Ánh D cho chị Phạm Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu Phạm Xuân H; Phạm Thành Đ và Phạm Ánh D đủ 18 tuổi. Anh Phạm Việt D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Sau khi ly hôn, ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai đ- ợc cản trở.

2.2 Về tài sản và công nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Việt D xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung không đề nghị Toà án xem xét giải quyết. Do vậy về quan hệ tài sản chung và công nợ chung toà án không xem xét giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn. Được khấu trừ 150.000 đồng và trả lại chị Phạm Thị T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2021/0004130 ngày 09/3/2023.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện V;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện V*
- *Các đ- ơng sự;*
- *UBND phường Hoàng D,TP T, tỉnh T;*
- *L- u hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Hà Thiện Thành